

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN T2
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 150/2024/HS-ST
Ngày: 28 - 6 - 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Nhắc nhở – Tội do – Hành pháp**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN T2

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hồng Đăng

Ông Võ Phi Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T2 tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thị Hải Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân huyện Nhơn T2, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 148/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo.

Nông Thị T (tên gọi khác: Không), Giới tính: Nữ; Sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Nông.

Nơi thường trú: Thôn 3, xã Đắk D, huyện Cư J, tỉnh Đắk Nông.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã Đắk D, huyện Cư J, tỉnh Đắk Nông.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không;

Nghề nghiệp: Không;

Trình Độ học vấn: 12/12;

Con ông Nông Văn Đ, sinh năm 1972 (đã chết) và bà Ma Thị O, sinh năm 1971 (đã chết).

Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 anh em.

Bị cáo có chồng tên Y Thanh K, sinh năm 1992 và có 02 con lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27 tháng 3 năm 2024, theo Lệnh bắt bị cáo để tạm giam số 78/LB-CSĐT-TH Nng do đang nuôi con nhỏ 05 tháng tuổi nên cùng ngày được hủy bỏ biện pháp tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt).

- Bị hại: Chị Trịnh Thị Ngọc N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 1 xã Long T1, huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai.
(Bị hại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Nông Thị T và chị Trình Thị Ngọc N (sinh năm 1993, ngụ tại: ấp 1, xã Long T1, huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai) cùng là công nhân của Công ty Wooree Vina thuộc Khu công nghiệp 1, huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai. Vào tháng 10/2021, do đang có dịch bệnh Covid 19 nên T và chị N ở 3T tại công ty. T biết chị N sử dụng số điện thoại 0342.665.550 đăng ký ví điện tử momo trên điện thoại di Động nên đã nảy sinh ý định trộm tiền trong ví momo của chị N để tiêu xài. Ngày 10/10/2021, T lén lút lấy điện thoại và chứng minh nhân dân của chị N để phòng trường hợp ví momo yêu cầu xác định số chứng minh nhân dân. T sử dụng ứng dụng ví momo trên điện thoại của chị N rồi chuyển tiền từ ví momo của chị N qua tài khoản ngân hàng Vietcombank của T 04 lần với tổng số tiền 7.000.000 đồng. Ngày 11/10/2021, với thủ đoạn tương tự T chuyển tiền từ ví momo của chị N qua tài khoản ngân hàng Vietcombank của T 03 lần với tổng số tiền 19.267.122 đồng. Sau khi chuyển tiền xong, T trả điện thoại của chị N lại chỗ cũ. T lấy sim điện thoại và chứng minh nhân dân của chị N mang về phòng trọ tại ấp 2, xã Long T1, huyện Nhơn T2 để tránh cho chị N phát hiện. Số tiền 26.267.122 đồng trong tài khoản ngân hàng T rút ra và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 19/10/2021, chị N phát hiện việc bị mất trộm tiền nên đến Đoàn Công an khu công nghiệp Nhơn T2 trình báo sự việc. Đoàn Công an khu công nghiệp Nhơn T2 lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn T2 giải quyết theo thẩm quyền. Lúc này, T bỏ trốn về nhà chồng tại tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 27/3/2023 T bị bắt giữ để xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả lại cho bị hại số tiền 24.000.000, bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường thêm.

Tại bản Cáo trạng số:157/CT-VKSNT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nông Thị T để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nông Thị T từ 10 đến 12 tháng tù.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T2.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định N sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Nhơn T2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T2, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị hại đã được triệu tập hợp lệ Nhưng vắng mặt, trong giai đoạn điều tra, truy tố bị hại đã có lời khai, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác. Do vậy việc vắng mặt của bị hại tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội N đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra. N vậy có đủ cơ sở để xác định:

Vào các ngày 10 và 11/10/2021 tại Công ty Wooree Vina thuộc Khu công nghiệp 1, huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai, Nông Thị T đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là số tiền 26.267.122 đồng của chị Trình Thị Ngọc N, cụ thể:

Ngày 10/10/2021, T trộm cắp số tiền 7.000.000 đồng.

Ngày 11/10/2021, T trộm cắp số tiền 19.267.122 đồng.

Đến ngày 27/3/2023 T bị bắt giữ để xử lý.

Do vậy, hành vi của bị cáo T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017), N cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T2 đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức Độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, đã lén lút thực hiện hành vi lấy trộm cắp số tiền 26.267.122 đồng của chị Trình Thị Ngọc N.

Hành vi của bị cáo thể hiện tính liều lĩnh, nên cần có mức án nghiêm tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo khi lượng hình, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt và đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can và không yêu cầu bồi thường thêm. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận được tiền, không yêu cầu gì khác nên không xem xét, giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T2 phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận về phần định tội.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), căn cứ vào các Điều 326, Điều 327, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo: Nông Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nông Thị T 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

3. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại,
- VKSND huyện Nhơn T2;
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THA dân sự huyện Nhơn T2;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Nhơn T2;
- Cơ quan THA HS có thẩm quyền;
- Nhà tạm giữ công an huyện Nhơn T2;
- Sở tư pháp;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại;
- VKSND huyện Long Thành;
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THA dân sự huyện Long Thành;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Thành;
- Cơ quan THA HS có thẩm quyền;
- Nhà tạm giữ công an huyện Long Thành
- Sở tư pháp;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Doãn Thị Hằng

